CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Ngày 30/09/2025	23,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.6%	**27.3%**	**42.0%**

DT thuần
Q3/25
122
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.00| -6.1%
YoY: ▲ 3.00| 2.6%

LN thuần
Q3/25
35.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.2| -24.2%
YoY: ▲ 15.2| 75.8%

LN sau thuế
Q3/25
28.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.00| -24.2%
YoY: ▲ 12.1| 75.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
38.8%
YoY: +/-▼ 6.6%

ROE (TTM)
Q3/25
26.3%
YoY: +/-▲ 1.2%

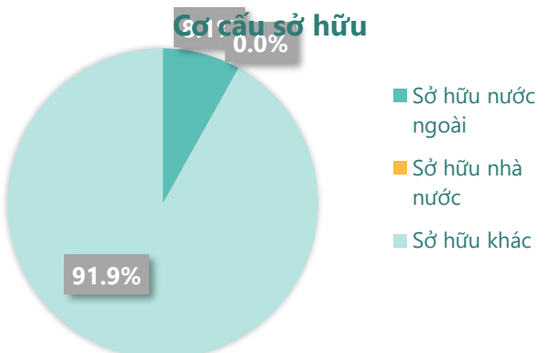
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	14,494 - 25,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	581
Số lượng CPLH (CP)	24,949,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	132,450
Sở hữu nước ngoài	8.1%
Beta	0.54
EPS	5,630
P/E	4.1

DT thuần
9T 2025
365
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.0| 5.8%

LN thuần
9T 2025
108
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 48.6| 81.6%

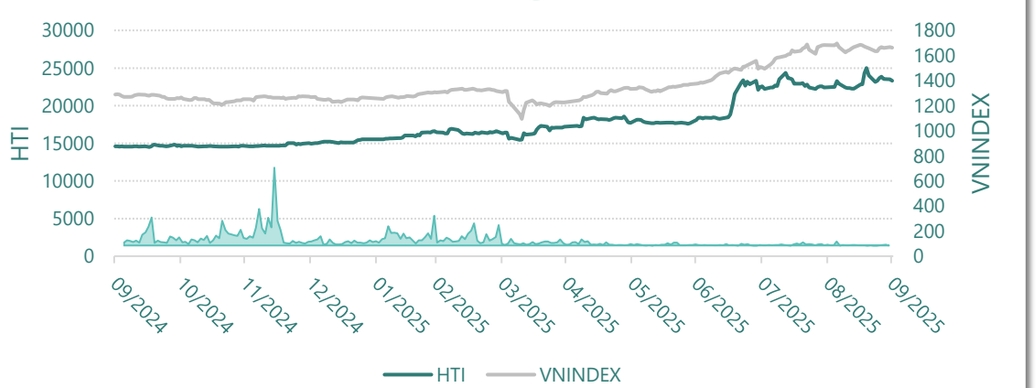
LN sau thuế
9T 2025
124
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 76.5| 162%

Cơ cấu sở hữu

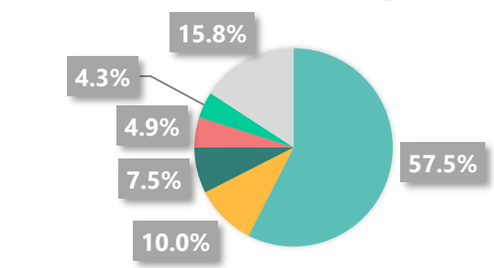


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

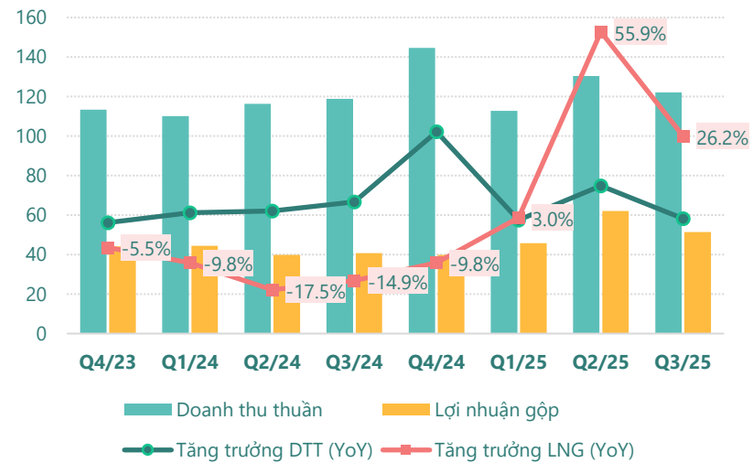


- Tổng công ty IDICO - CTCP
- Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO
- Finansia Syrus Securities Public Company Ltd
- America LLC
- CTCP Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO

(Nguồn: fireant.vn)

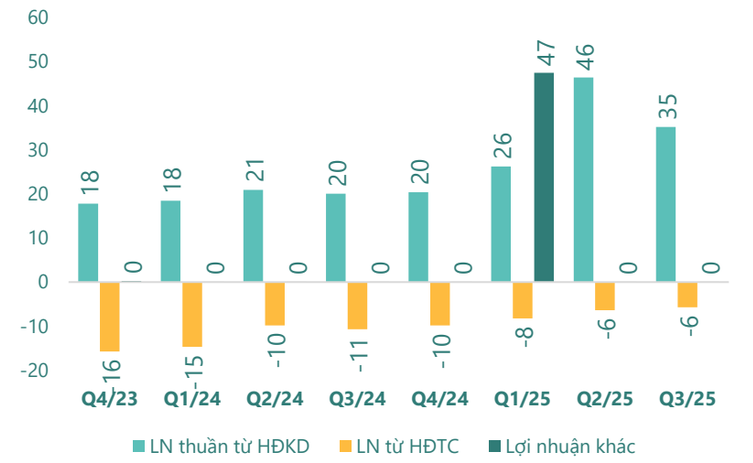
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



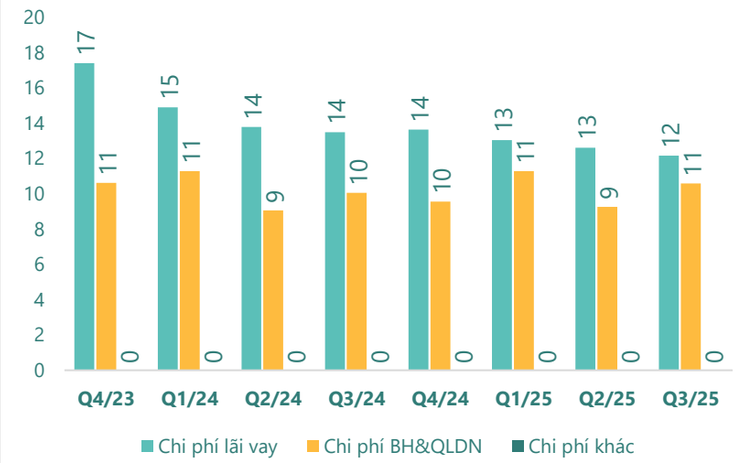
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



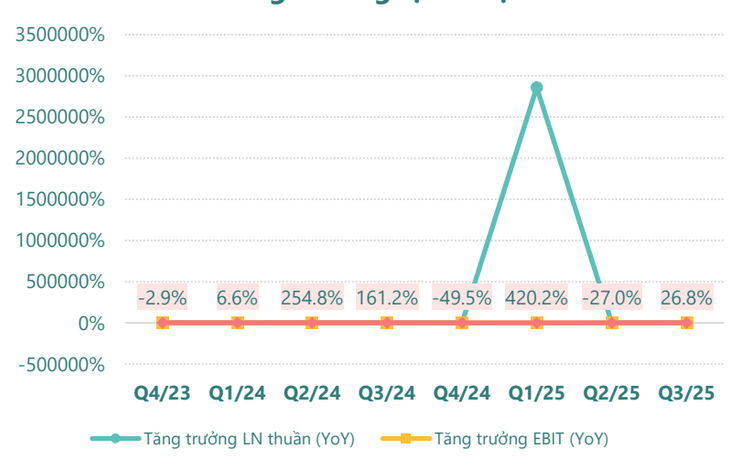
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



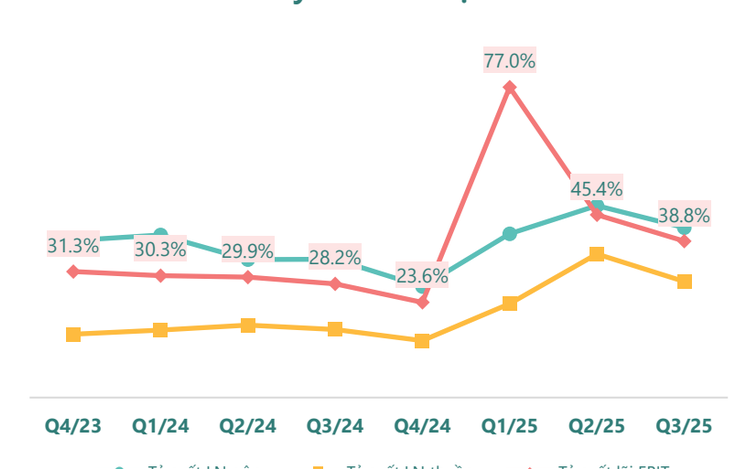
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



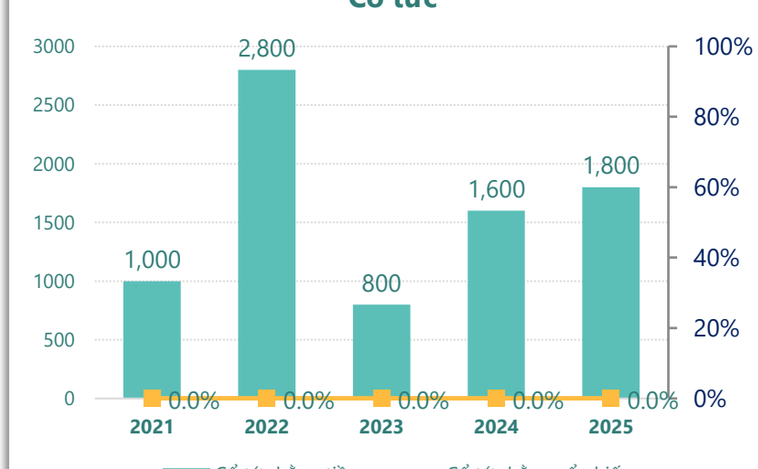
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

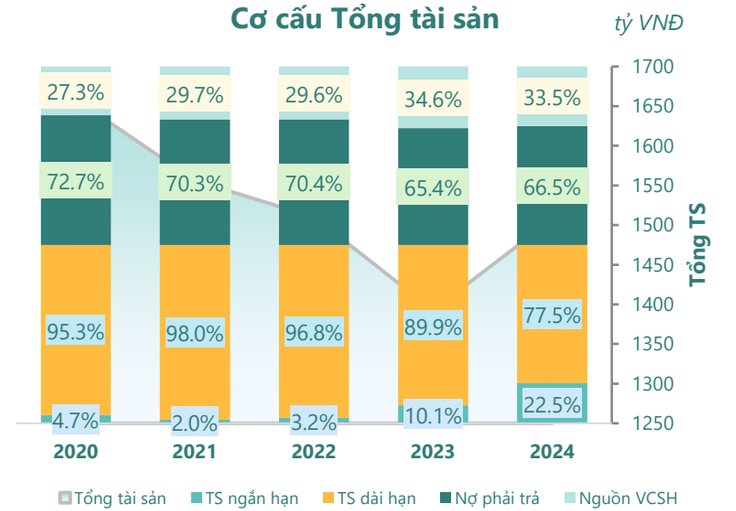
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

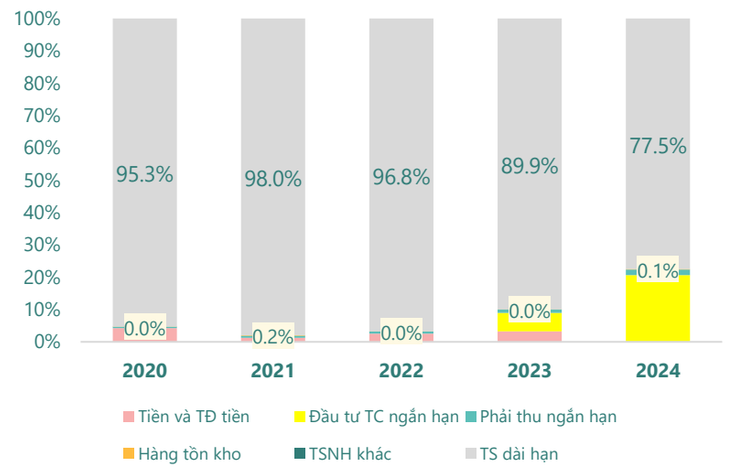
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



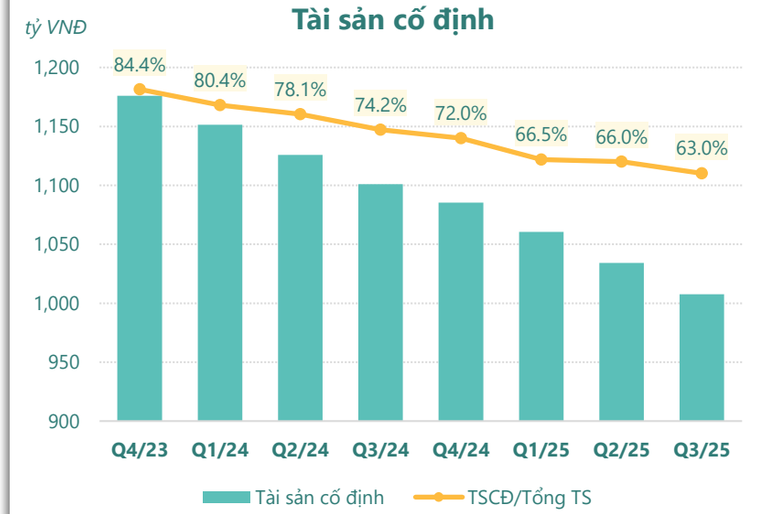
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



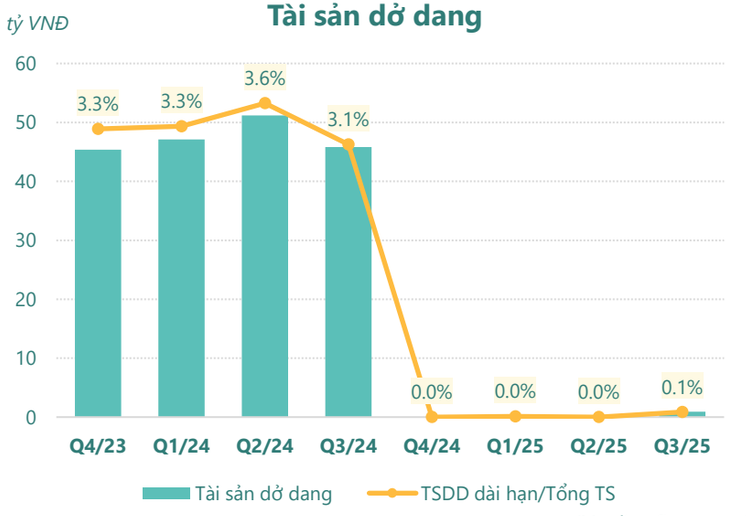
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



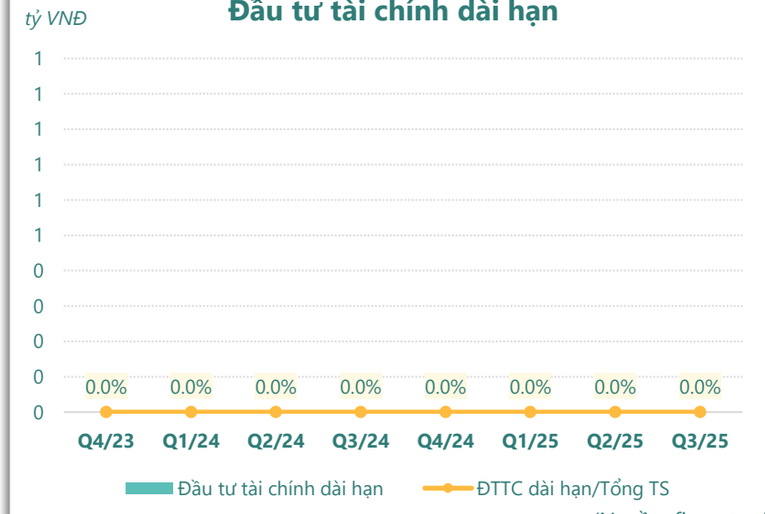
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



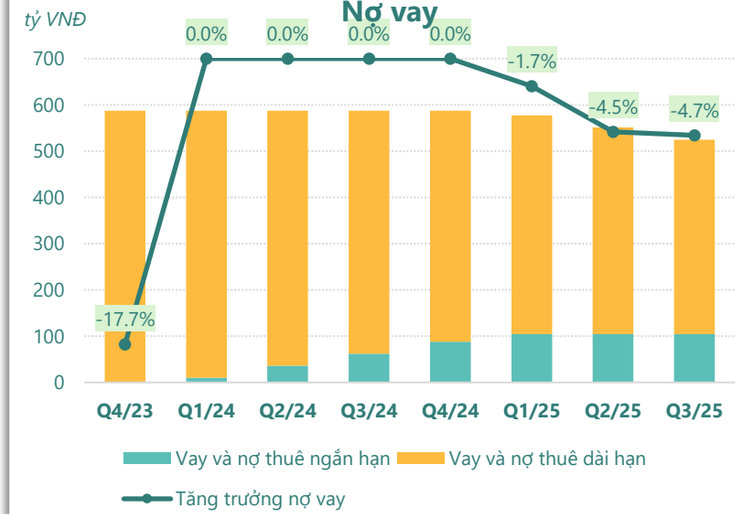
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

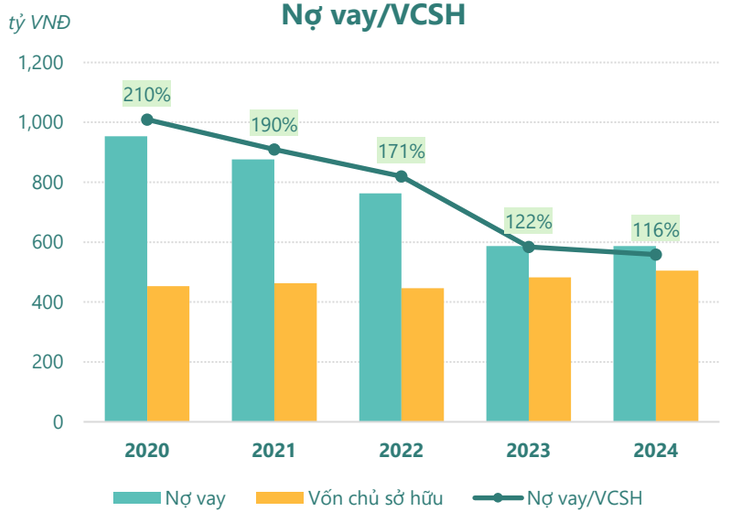
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

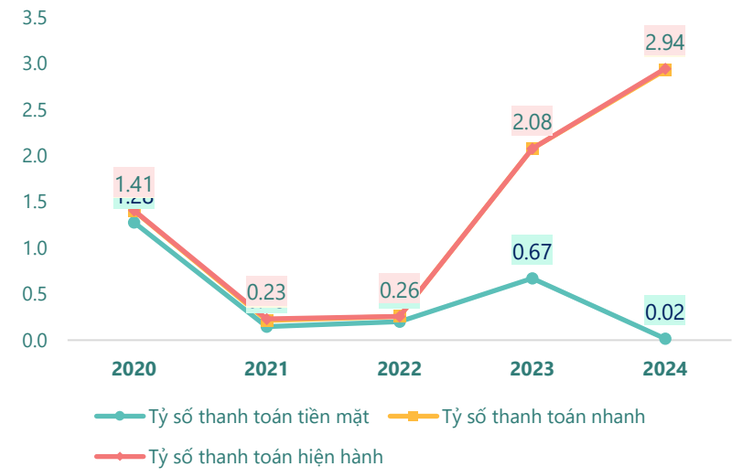
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



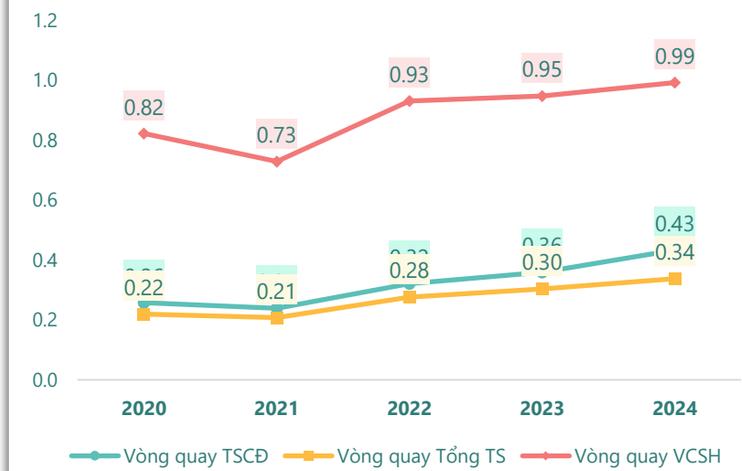
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



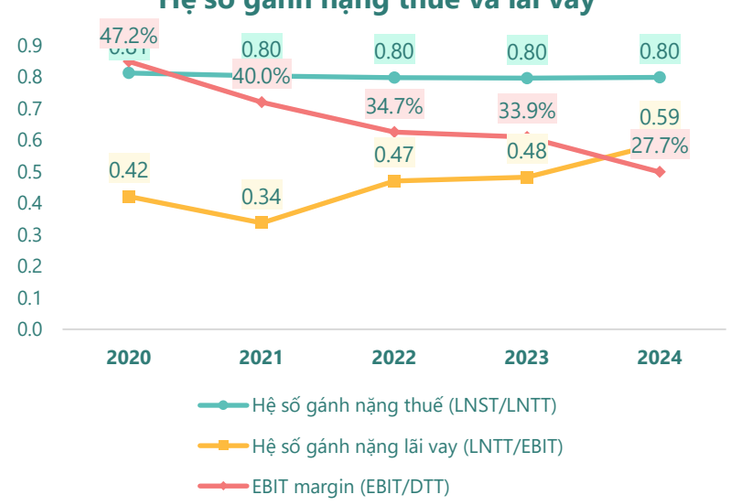
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



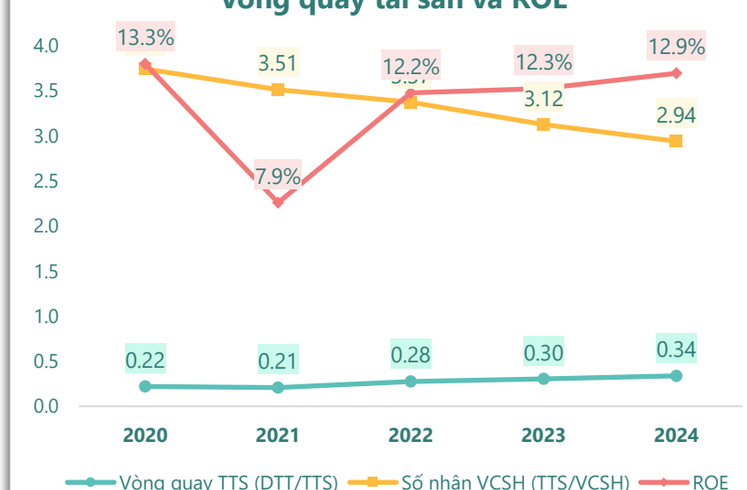
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



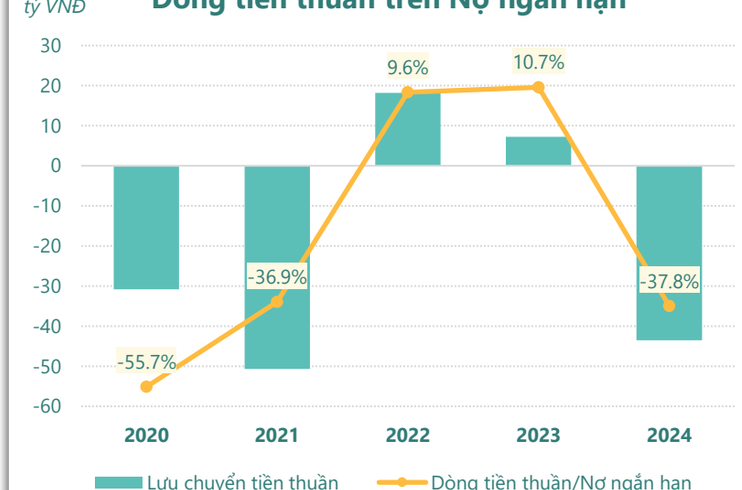
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**122**	**119**	**2.6%**	**365**	**345**	**5.8%**
Giá vốn hàng bán	70.6	78.1	-9.6%	206	220	-6.5%
Lợi nhuận gộp	51.5	40.8	26.1%	159	125	27.4%
Doanh thu HĐTC	6.45	2.84	127%	17.5	7.05	149%
Chi phí TC	12.2	13.5	-9.9%	37.8	42.2	-10.4%
Chi phí lãi vay	12.2	13.5	-9.9%	37.8	42.2	-10.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	9.33	9.24	0.9%	27.6	27.0	2.5%
Chi phí QLDN	**1.26**	**0.82**	**53.2%**	**3.50**	**3.47**	**0.9%**
LN thuần từ HĐKD	35.2	20.0	75.8%	108	59.4	81.6%
Lợi nhuận khác	**0.02**	**0.00**		**47.6**	**0.01**	**381018%**
LN trước thuế	35.2	20.0	75.9%	155	59.4	162%
Lợi nhuận sau thuế	**28.1**	**16.0**	**75.7%**	**124**	**47.5**	**162%**
LNST của CĐ cty mẹ	**28.1**	**16.0**	**75.7%**	**124**	**47.5**	**162%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	59.9	60.6	39.7	58.2	69.5	73.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-19.7	-63.2	-40.3	-45.5	0.39	-48.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-39.7	-0.02	-0.05	-10.0	-70.7	-26.2
Tiền đầu kỳ	4.53	5.08	2.47	1.88	4.49	3.71
Lưu chuyển tiền thuần	**0.55**	**-2.61**	**-0.60**	**2.61**	**-0.77**	**-0.22**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.08	2.47	1.88	4.49	3.71	3.49

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,598**	**1,507**	**6.0%**
Tài sản ngắn hạn	531	339	56.7%
Tiền và tương đương tiền	3.49	1.88	86.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	484	309	56.5%
Phải thu ngắn hạn	40.3	26.0	55.1%
Hàng tồn kho	3.23	1.80	79.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**1,067**	**1,168**	**-8.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,008	1,085	-7.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.93	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**58.4**	**82.8**	**-29.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,017	1,003	1.4%
Nợ ngắn hạn	**159**	**115**	**38.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	104	88.4	18.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.42	8.41	-59.3%
Nợ dài hạn	858	888	-3.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	420	499	-15.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**581**	**505**	**15.2%**
Vốn chủ sở hữu	**581**	**505**	**15.2%**
Vốn điều lệ	249	249	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)